TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 455/2026/DS-ST Ngày 13-8-2026 V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe, tài sản bị xâm phạm.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Thanh Tâm
2. Bà Huỳnh Thùy Linh

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Đỗ Hương Ly – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe, tài sản bị xâm phạm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 23/7/1967; Căn cước công dân số 052067001392; địa chỉ: Khu phố P, phường H, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh ngày 15/8/1958; Căn cước công dân số 052158003635; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường H, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Đ1, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố P, phường H, tỉnh Gia Lai. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đ trình bày: Năm 1995, bà M mượn của vợ chồng ông Đ 10 chỉ vàng 24K nhưng không trả. Đến năm 2007, bà M trả 03 chỉ vàng và viết giấy hẹn mỗi năm trả 01 chỉ cho đến khi hết số nợ 07 chỉ nhưng bà M

không trả đúng hẹn. Nay ông Đ yêu cầu bà M trả cho vợ chồng ông 0 chỉ vàng 24K và không đồng ý cho trả dần.

- *Theo Bản tự khai, Đơn phản tố, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị đơn bà M trình bày:* Bà M có mượn của vợ chồng ông Đ 01 cây vàng 24K. Khi làm ăn thua lỗ, bà có báo cho vợ chồng ông Đ đến Tòa án để trả nhưng vợ chồng ông Đ không đến. Vào ngày 21/5/2007, bà điều khiển xe máy thì ông Đ xô té xuống bờ mương rồi kéo chân của bà, giật lấy chiếc xe. Vì là xe mượn nên bà đã mượn để trả cho ông Đ 03 chỉ vàng thì ông Đ mới trả xe cho bà. Khi về nhà và trả xe, bà phát hiện xe bị hư hỏng hộp số, đèn, còn bà phải nhập viện chụp phim, chân bị đau phần mềm phải nhập viện điều trị. Trước đây vì ông Đ nói xấu bà nên bà khởi kiện yêu cầu ông Đ phải bồi thường tiền thuốc men điều trị ở bệnh viện, bồi thường tiền sửa xe với tổng số tiền là 20.000.000 đồng nếu không bồi thường thì bà không trả 07 chỉ vàng. Tại phiên tòa, bà M không yêu cầu ông Đ phải bồi thường nữa, bà xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Về việc ông Đ yêu cầu trả nợ, bà M xin được trả dần vì hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn, không còn tài sản để thi hành án.

- *Theo Bản tự khai, trong quá trình làm việc, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ1 trình bày:* Vợ chồng bà có cho bà M mượn 10 chỉ vàng 24K nhưng bà M không trả. Khi chồng bà xiết xe, mời chính quyền địa phương đến làm việc thì bà M trả 03 chỉ vàng còn 07 chỉ vàng chưa trả. Bà Đ1 đồng ý với yêu cầu của ông Đ buộc bà M trả 07 chỉ vàng 24K còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả vàng đã mượn. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản. Căn cứ khoản 3, 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe, tài sản bị xâm phạm. Bị đơn cư trú tại phường H, tỉnh Gia Lai nên theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Đ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt nên theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ1.

[3] Ông Đ và bà M thống nhất việc mượn vàng và số vàng còn nợ nên xác định bà M còn nợ ông Đ 07 chỉ vàng 24K là đúng. Theo giấy hẹn nợ năm 2007, bà M hẹn mỗi năm trả 01 chỉ vàng đến năm 2014 là hết nợ nhưng bà M không trả đúng hẹn là vi phạm nghĩa vụ của trả nợ của bên vay. Ông Đồng khởi K yêu cầu bà M trả vàng là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông Đ, buộc bà M phải trả cho ông Đ 07 chỉ vàng 24K. Bà M yêu cầu trả dần nhưng không được ông Đ đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, bà M rút toàn bộ yêu cầu phản tố, việc rút yêu cầu của bà M là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bà M.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Bị đơn bà M là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, 6 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc bà Lê Thị M phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ 07 (Bảy) chỉ vàng 24K.

2. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Lê Thị M về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe, tài sản bị xâm phạm với số tiền 20.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và tiền tạm ứng án phí:

- Bà Lê Thị M được miễn nộp án phí.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn Đồng T tạm ứng án phí 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), ông đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004504 ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

- Khi thụ lý yêu cầu phản tố, bà Lê Thị M là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xem xét việc trả lại.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Gia Lai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hoàng